

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số:138/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2022

“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Hồng Cẩm.

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Minh T, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: A14, đường Lý Văn Lâm, khóm 3, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thanh D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 86, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa ông Dương Minh T là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Huỳnh Thanh D sống chung vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường hay cãi vã nhau và bất đồng ý kiến chung nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Đến năm 1999 ông và bà D đã ly thân không còn chung sống. Nay ông xác định ông và bà D không còn tình cảm với nhau không thể về chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 02 người con chung tên Dương Như S, sinh năm 1995, Dương Thanh Q, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại ông và bà D.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2022, bà Huỳnh Thanh D là bị đơn trình bày:
Về thời gian kết hôn đúng như ông T trình bày, bà và ông T không đăng ký kết hôn và đã ly thân với nhau từ năm 1999 đến nay. Hiện nay giữa vợ chồng không còn tình cảm và đã không còn chung sống với nhau từ lâu nên ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Bà D xác định bà và ông T có 02 người con chung: Dương Như S, sinh năm 1995, Dương Thanh Q, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không nợ ai và cũng không ai nợ lại ông, bà.

Do bận công việc bà D yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được các định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Thanh D đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử bà D có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Dương Minh T và bà Huỳnh Thanh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà D đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống cả ông T và bà D đều xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống và đã ly thân từ năm 1999 đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2022 cả ông T, bà D đều thống nhất ly hôn. Mặc khác, do ông T và bà D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở không công nhận ông T và bà D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T và bà D xác định có 02 người con chung: Dương Như S, sinh năm 1995, Dương Thanh Q, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T và bà D xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó. Hội đồng xét xử không xem xét .

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình ông T phải nộp theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 14, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Minh T.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Dương Minh T và bà Huỳnh Thanh D là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Dương Như S, sinh năm 1995, Dương Thanh Q, sinh năm 1998. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Dương Minh T phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 01/6/2022 ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001463 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**
(Đã ký)

Trần Huyền Trân

